

Bản án số: 26/2024/HS-ST
Ngày 19 - 12 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tòng Thị Hiền.

Hội thẩm nhân dân: Bà Lèo Thị Chan, ông Lê Bắc Hải.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Sòi Ngọc An Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:** Bà Trần Diệu Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 38/2024/TLST-HS ngày 27 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 12 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Giàng A L, tên gọi khác: Không; sinh ngày 12 tháng 6 năm 1983, tại huyện M, tỉnh Yên Bái; nơi cư trú: Bản T, xã H, huyện M, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Giàng Páo G và bà Cừ Thị G1 (đều đã chết); có vợ là Cừ Thị C và 03 con (con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2005); nhân thân: Ngày 26/10/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời gian 18 tháng, chấp hành xong hình phạt ngày 20/5/2020 (đã được xóa tiền sự); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/3/2024 đến nay có mặt tại phiên tòa.

2. Sùng A D, tên gọi khác: Không; sinh ngày 20 tháng 8 năm 1980, tại huyện T, tỉnh Lai Châu; nơi cư trú: Bản H, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Sùng A N (đã chết) và bà Thào Thị D1; có vợ là Cừ Thị La và có 04 (con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2022); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/3/2024 đến nay có mặt tại phiên tòa.

- **Người bào chữa cho bị cáo Giàng A L:** Ông Đàm Mạnh H – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh S. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Sùng A D:* Ông Lò Văn Đ – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh S. Có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Cừ Thị C, sinh năm 1984; nơi cư trú: Bản T, xã H, huyện M, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

- *Người phiên dịch:* Anh Lý A K; nơi cư trú: Thôn G, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 11 giờ 30 ngày 17/3/2024, tổ công tác Công an huyện Q làm nhiệm vụ tại khu vực Km236 + 600 Quốc lộ B thuộc địa phận bản Tậu Khúm, xã P, huyện Q phát hiện Giàng A L, sinh năm 1983, trú tại bản T, xã H, huyện M, tỉnh Yên Bái điều khiển xe máy BKS 21G1-218.48 chở theo Sùng A D, sinh năm 1980, trú tại bản Huổi Cày, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu có biểu hiện nghi vấn liên quan đến tội phạm. Tổ công tác yêu cầu L dừng xe kiểm tra, phát hiện L và D đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Tổ công tác đã mời người chứng kiến và áp giải L và D đến trụ sở Công an huyện Q để lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Giàng A L và Sùng A D.

Vật chứng thu giữ gồm: Thu giữ tại lòng bàn tay trái của Giàng A L 01 gói nilon màu xanh chứa chất cục bột màu trắng; tại túi áo khoác bên trái Lù đang mặc 01 gói nilon màu trắng chứa chất cục bột màu hồng; tại vị trí móc treo đồ bên trái xe máy có treo một đôi dép trong đế dép chứa 05 gói nilon màu trắng chứa chất cục bột màu trắng. Thu giữ trong đế dép D đang đi 07 gói nilon màu trắng đều chứa chất cục bột màu trắng (L và D khai nhận là ma túy H1 và Hồng phiến cất giữ để sử dụng và bán kiếm lời); 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, có gắn sim số thuê bao 0826.844.740, loại màn hình cảm ứng, vỏ màu xanh của Giàng A L; 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, loại WAVE RSX FI, Biển kiểm soát 21G1-218.48 của Giàng A L; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, có gắn sim số thuê bao 0825.298.458, loại bàn phím bấm, vỏ màu đen của Sùng A D và 02 đôi dép nhựa xộp màu đen của Giàng A L và Sùng A D.

Ngày 19/3/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q thành lập Hội đồng bóc mở niêm phong, cân tịnh, lấy mẫu giám định và niêm phong lại vật chứng. Kết quả:

- Vật chứng thu giữ của Giàng A L: Chất cục bột màu hồng (thu giữ trong túi áo khoác của Lù) có khối lượng 0,05 gam, trích toàn bộ làm mẫu gửi giám định, ký hiệu A1; Chất cục bột màu trắng thu giữ trong 06 gói nilon còn lại có tổng khối lượng 19,05 gam, trích tổng 3,11 gam làm mẫu gửi giám định, ký hiệu từ A2 đến A7.

- Vật chứng thu giữ của Sùng A D: Chất cục bột màu trắng thu giữ trong 07 gói nilon có tổng khối lượng 51,24 gam, trích tổng 3,07 gam làm mẫu gửi giám định, ký hiệu từ A8 đến A14.

Kết luận giám định số: 715/KL-KTHS ngày 19/3/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh S, kết luận:

"Mẫu ký hiệu A1 gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine; khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,05 gam.

Mẫu ký hiệu từ A2 đến A14 gửi giám định đều là ma túy, loại Heroine (H); tổng khối lượng của mẫu gửi giám định là 6,18 gam.

Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 0,05 gam, loại Methamphetamine và 70,29 gam, loại Heroine (H)".

Quá trình điều tra và tại phiên tòa Giàng A L và Sùng A D khai nhận:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 15/3/2024, Giàng A L điều khiển xe máy BKS 21G1-218.48 đi từ xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai đến nhà Sùng A D tại bản H, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu hỏi mua ma túy về sử dụng và bán kiếm lời. Khi gặp nhau, L hỏi D có ma túy bán không, D trả lời không có và rủ L cùng sang Lào mua ma túy về sử dụng và bán kiếm lời, L nói bản thân có 2.400.000 đồng để mua ma túy, nếu đi D phải trả tiền ăn uống, xăng xe dọc đường, D đồng ý và hẹn L sáng hôm sau đến nhà D hai người cùng đi mua ma túy. Sau đó L đến nhà cô ruột là Giàng Thị R (trú cùng bản với Sùng A D) ngủ qua đêm. Khoảng 06 giờ ngày 16/3/2024, L điều khiển xe máy chở D đi theo quốc lộ B hướng về huyện Q đi sang tỉnh Điện Biên. Khi đến khu vực ngã ba đường đi huyện N, tỉnh Điện Biên, D bảo L dừng tại một cửa hàng tạp hóa (không nhớ tên cụ thể) mua mỗi người một đôi dép, 02 chiếc dao lam và 01 lọ keo dán hết 110.000 đồng (D trả tiền) nhằm mục đích cắt đế dép ra để cất giấu ma túy.

Khoảng 17 giờ cùng ngày, L và D đến khu vực giáp biên giới Việt Nam Lào thuộc địa phận huyện N (không rõ địa chỉ cụ thể), D gọi điện vào số điện thoại 0355.331.219 của một người phụ nữ dân tộc T không biết tên, địa chỉ cụ thể (số điện thoại trên do D xin được từ một người đàn ông dân tộc Mông không quen biết vào thời gian khoảng tháng 01/2024). Qua trao đổi, người phụ nữ bảo có ma túy bán và bảo D lên lán nương để trao đổi mua bán. Sau đó, L và D cất giấu xe ở ven đường (do đoạn đường tiếp theo không đi được xe máy) rồi đi bộ theo đường mòn khoảng một giờ thì đến nơi. Tại đây, D hỏi xin người phụ nữ một ít ma túy để sử dụng, người phụ nữ đưa cho D một ít Heroine to bằng hạt ngô và 02 viên hồng phiến, số ma túy trên D bẻ nhỏ 2 viên hồng phiến lấy 1,5 viên trộn lẫn với số Heroine được cho rồi cùng L sử dụng hết, còn lại nửa viên hồng phiến L gói bằng nilon màu trắng cất trong túi áo khoác đang mặc. Sau khi sử dụng xong ma túy, L đưa 2.400.000 đồng cho người phụ nữ để mua H1, người phụ nữ lấy trong túi đeo trước bụng ra 04 gói nilon màu trắng và cho thêm 01 gói nhỏ bằng nilon màu xanh đều chứa Heroine bán cho L. D cũng mua của người phụ nữ trên 5.000.000 đồng được 08 gói Heroine (đều gói bằng nilon màu trắng). Sau khi mua được ma túy, D và L đi về, trên đường di chuyển, khi đến một khu bãi đất trống không rõ địa chỉ, D bảo L dừng lại lấy hai đôi dép đã chuẩn bị từ trước ra mỗi người tự dùng dao lam rạch tại vị trí gót dép để cất giấu ma túy, quá trình lấy ma túy ra cất giấu, D đưa cho L 01 gói Heroine nói là trả công L lái xe máy chở D đi mua ma túy. Đối với số ma

túy mua được, L giấu 03 gói bên dép trái, 02 gói bên dép phải, gói nilon màu xanh chứa Heroine được người phụ nữ cho thêm L cầm ở lòng bàn tay trái; D giấu 02 gói bên dép trái, 05 gói bên dép phải. Cất giấu ma túy xong, L tiếp tục điều khiển xe máy chở D đi về. Khoảng 11 giờ ngày 17/3/2024, khi di chuyển đến khu vực Km236+600 quốc lộ B thuộc địa phận bản Tấu Khúm, xã P, huyện Q, G và Sùng A D bị Cơ quan Công an huyện Q phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng.

Tại Cáo trạng số 169/CT-VKS-P1 ngày 25/11/2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố Giàng A L, Sùng A D về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Giàng A L, Sùng A D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố, các bị cáo không khai báo gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La giữ nguyên quan điểm truy tố, và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Giàng A L, Sùng A D phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Áp dụng điểm h khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Giàng A L từ 17 đến 18 năm tù.

Xử phạt bị cáo Sùng A D từ 17 đến 18 năm tù

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại cùng các vỏ gói và phong bì niêm phong vật chứng ban đầu; 01 đôi dép nhựa xộp màu đen, thu giữ của Giàng A L; 01 đôi dép nhựa xộp màu đen, thu giữ của Sùng A D.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, bàn phím bấm, vỏ màu đen, đã qua sử dụng, có gắn sim số thuê bao 0825.298.458.

Trả lại cho bị cáo Giàng A L: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, màn hình cảm ứng, vỏ màu xanh, đã qua sử dụng, có gắn sim số thuê bao 0826.844.740.

Trả lại cho bà C1 Thị Cu: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE RSX FI, màu sơn đen, biển kiểm soát 21G1-218.48, xe không có chìa khóa, đã qua sử dụng.

Về án phí: Các bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo Giàng A L: Nhất trí về tội danh, điều luật, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã đề nghị đối với bị cáo. Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tình tiết giảm nhẹ như: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là

dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, am hiểu pháp luật có phần hạn chế. Do đó, đề nghị xử phạt bị cáo 17 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn án phí cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Sùng A D: Nhất trí về tội danh, điều luật, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đề nghị đối với bị cáo. Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tình tiết giảm nhẹ như: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, bị cáo không biết chữ do đó sự am hiểu pháp luật hạn chế. Do đó, đề nghị xử phạt bị cáo 17 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn án phí cho bị cáo.

Các bị cáo nhất trí với quan điểm bào chữa của người bào chữa, không có ý kiến tranh luận bổ sung.

Các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Cù Thị C, sinh năm 1984, trú tại bản T, xã H, huyện M, tỉnh Yên Bái. Xét thấy, bà Cù Thị C đã có lời khai tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh S, việc bà C1 Thị Cu vắng mặt tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện của vụ án. Do đó, căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Cù Thị Cu .

[3] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Giàng A L khai nhận: Ngày 15/3/2024, Giàng A L điều khiển xe máy BKS 21G1-218.48 đến nhà Sùng A D hỏi mua ma túy về sử dụng để bán kiếm lời, D không có ma túy và rủ L sang Lào để tìm mua ma túy, L đồng ý. Ngày 16/3/2024, L điều khiển xe máy chở D đến khu vực giáp biên giới Việt Nam – Lào thuộc địa phận huyện N, rồi đi bộ theo đường mòn đến lán nương của một người phụ nữ dân tộc T (không biết tên, địa chỉ cụ thể). Tại đây, L và D mua được 0,05 gam Methamphetamine và 70,29 gam Heroine, sau đó cất giấu số Heroine vào đế 02 đôi dép xộp mua dọc đường và nắm trong lòng bàn tay trái, số M Lù cất giấu trong túi áo khoác đang mặc. Ngày 17/3/2024, khi di chuyển đến khu vực Km236+600 quốc lộ B thuộc địa phận bản Tậu Khúm, xã P, huyện Q, G và Sùng A D bị Cơ quan Công an huyện Q phát hiện bắt quả tang, thu

giữ vật chứng.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Sùng A D khai nhận: Ngày 15/8/2024, sau khi Giàng A L đặt vấn đề hỏi mua ma túy, D đã rủ và dẫn đường cho L cùng đi mua ma túy. Ngày 16/3/2024, khi đi đến khu vực giáp biên giới Việt Nam – Lào thuộc địa phận huyện N, D gọi điện thoại cho một người phụ nữ dân tộc Thái (không biết tên, địa chỉ cụ thể) qua số điện thoại 0355.331.219. Sau đó, L và D đi bộ theo đường mòn đến lán nương của người phụ nữ đó và mua được 0,05 gam Methamphetamine và 70,29 gam Heroine, D cho L là 01 gói Heroine nói là trả công cho L chở D đi mua ma túy. Toàn bộ số ma túy khi mua được D cất giấu vào đế 01 đôi dép nhựa xộp màu đen.

Hành vi phạm tội của các bị cáo được chứng minh bằng các căn cứ sau:

- Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 11 giờ 30 phút ngày 17 tháng 3 năm 2024 đối với Giàng A L và Sùng A D.

- Biên bản mở niêm phong, cân tịnh, lấy mẫu giám định và niêm phong lại vật chứng hồi 09 giờ 05 phút ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q.

- Kết luận giám định về chất ma túy số 715/KL-KTHS ngày 19/3/2024, của Phòng K1 Công an tỉnh S.

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người chứng kiến sự việc cơ quan chức năng bắt quả tang đối với các bị cáo đang có hành vi cất giấu trái phép chất ma túy, mục đích để bán kiếm lời và phù hợp các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án. Từ những căn cứ chứng minh nêu trên, có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Giàng A L, Sùng A D phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy được quy định tại Điều 251 Bộ luật Hình sự.

[4] Về khung hình phạt áp dụng: Các bị cáo Giàng A L, Sùng A D đã thực hiện hành vi mua bán trái phép 0,05 gam Methamphetamine và 70,29 gam Heroine, tổng khối lượng ma túy là 70,34 gam, vi phạm tình tiết định khung: *“Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này”* quy định tại điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự, có mức hình phạt tù từ 15 năm đến 20 năm.

[5] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

Vụ án có tính chất đồng phạm, tuy nhiên, vai trò của các bị cáo trong vụ án này là ngang nhau, các bị cáo đều có chung mục đích và thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo Giàng A L là người trực tiếp đặt vấn đề hỏi mua ma túy với bị cáo Sùng A D, khi thực hiện hành vi bị cáo đã sử dụng xe máy của bị cáo chở D đi mua ma túy và được D trả công là 01 gói Heroine. Bị cáo Sùng A D sau khi được L đặt vấn đề hỏi mua ma túy là người trực tiếp rủ rê, dẫn đường cùng bị cáo L đi mua ma túy, trực tiếp trao đổi với người bán ma túy. Các bị cáo Giàng A L, Sùng A D nhận thức rõ hành vi mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng do hám lời

vẫn cố ý thực hiện. Do đó, buộc bị cáo Giàng A L, Sùng A D phải chịu trách nhiệm hình sự đối với tổng khối lượng ma túy mà cả hai bị cáo mua được là 0,05 gam Methamphetamine và 70,29 gam Heroine.

Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, khối lượng ma túy lớn, trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy; là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn và các tội phạm khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương.

[6] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân:

Bị cáo Giàng A L có nhân thân xấu, ngày 26/10/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời gian 18 tháng, chấp hành xong hình phạt ngày 20/5/2020 (đã được xóa tiền sự).

Bị cáo Sùng A D có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Giàng A L, Sùng A D thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo là dân tộc thiểu số sinh sống vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Do đó Hội đồng xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

Căn cứ tính chất, vai trò, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo, khối lượng ma túy thu giữ, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo mới đảm bảo tính giáo dục riêng, răn đe và phòng ngừa chung.

[7] Về hình phạt bổ sung:

Ngoài hình phạt chính, các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Xét thấy, các bị cáo không có tài sản, không có khả năng thi hành án nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Về nguồn gốc số ma túy và các đối tượng liên quan trong vụ án:

Nguồn gốc số ma túy thu giữ trong vụ án gồm 0,05 gam Methamphetamine và 70,29 gam Heroine, Giàng A L và Sùng A D khai nhận mua được của một đối tượng nữ giới không quen biết tại khu vực biên giới Việt Nam - Lào thuộc địa phận huyện N, tỉnh Điện Biên. Quá trình điều tra, D khai nhận khoảng tháng 01/2024, khi đi chơi tại xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu, D gặp và được một người đàn ông không quen biết, qua trao đổi người đàn ông cho số Dê điện thoại 0355.331.219 và bảo khi nào muốn mua ma túy thì đến huyện N, tỉnh Điện Biên liên lạc theo số điện thoại trên. Tiến hành cho L và D vẽ lại sơ đồ chỉ dẫn đường đi đến nhà người phụ

nữ đã bán ma túy, L và D khai do mới đi lần đầu không nhớ đường. Xác minh chủ thuê bao số điện thoại 0355.331.219 là của Lò Văn C2, sinh năm 1988, địa chỉ: xã N, Huyện N, Điện Biên, số Chứng minh thư nhân dân 040413674, do Công an tỉnh Đ cấp ngày 05/6/2004. Xác minh tại xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên xác định không có người nào tên Lò Văn C2 như nêu trên. Tra cứu tại phòng hồ sơ Công an tỉnh Đ xác định người được cấp số Chứng minh thư nhân dân 040413674 là Nguyễn Thái N1, sinh năm 1969, nơi thường trú: Tổ dân phố F, phường T, TP Đ, tỉnh Điện Biên. Kết quả xác minh, xác định N1 không có mặt tại địa phương nơi cư trú, N1 đã đi khỏi nơi cư trú được 3 năm, hiện không rõ N1 đang ở đâu. Do vậy, ngoài lời khai của các bị cáo, Cơ quan điều tra không có căn cứ để tiếp tục xác minh, mở rộng điều tra vụ án.

[9] Về xử lý vật chứng vụ án và tài sản liên quan:

Đối với tổng khối lượng ma túy còn lại là 64,11 gam được đựng trong 12 túi nilon màu trắng ký hiệu từ B1 đến B12 sau khi đã trích mẫu gửi giám định, xét thấy là các chất ma túy do Nhà nước độc quyền quản lý, cấm lưu hành; 13 mảnh nilon màu trắng; 01 mảnh nilon màu xanh; 06 vỏ phong bì niêm phong vật chứng ban đầu đã bóc mở là vật không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 02 đôi dép nhựa xộp màu đen, thu giữ của Giàng A L và Sùng A D. Xét thấy, các bị cáo đã sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, là vật không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA thu giữ của Sùng A D. Xét thấy, bị cáo đã sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, do đó cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Giàng A L. Quá trình kiểm tra, điều tra và lời khai của bị cáo xác định chiếc điện thoại trên là tài sản riêng của bị cáo, không có nội dung liên quan đến việc bị cáo dùng để thực hiện hành vi mua bán ma túy, cần trả lại cho bị cáo L.

Đối với 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE RSX FI, màu sơn đen, biểm kiểm soát 21G1-218.48, bị cáo Giàng A L đã sử dụng để làm phương tiện phạm tội, lẽ ra cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. Nhưng, thấy rằng gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo, đây là tài sản chung có giá trị duy nhất trong gia đình của bị cáo, vợ bị cáo là Cứ Thị C không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của Giàng A L. Do đó cần trả lại chiếc xe cho bà Cứ Thị Cu .

[10] Về án phí: Các bị cáo đều là hộ nghèo, người dân tộc thiểu số sinh sống vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn là đối tượng miễn án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm h khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Giàng A L, Sùng A D phạm tội: "*Mua bán trái phép chất ma túy*".

Xử phạt bị cáo Giàng A L 17 (*mười bảy*) năm tù.

Xử phạt bị cáo Sùng A D 17 (*mười bảy*) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của các bị cáo được tính từ ngày bị bắt, tạm giữ, tạm giam (là ngày 17/3/2024).

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

2.1. Tịch thu tiêu hủy:

+ **01** (Một) chiếc phong bì công văn của Công an huyện Q nguyên niêm phong, gồm có: 13 mảnh nilon màu trắng + 01 mảnh nilon màu xanh + 06 vỏ phong bì niêm phong vật chứng ban đầu đã bóc mở + 64,11 gam Heroine được đựng trong 12 túi nilon màu trắng hàn kín riêng biệt, ký hiệu từ B1 đến B12.

+ **01** (Một) đôi dép nhựa xốp màu đen gồm hai chiếc đã qua sử dụng, trên dép in nhãn hiệu ASIA, cả hai chiếc dép đều có vết rạch tại vị trí đế dép phía phần gót, thu giữ của Giàng A L, được niêm phong trong một chiếc phong bì công văn của Công an huyện Q.

+ **01** (Một) đôi dép nhựa xốp màu đen gồm hai chiếc đã qua sử dụng, trên dép in nhãn hiệu ASIA, cả hai chiếc dép đều có vết rạch tại vị trí đế dép phía phần gót, thu giữ của Sùng A D, được niêm phong trong một chiếc phong bì công văn của Công an huyện Q.

2.2. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước:

01 (Một) chiếc điện thoại di động đã qua sử dụng, có gắn sim số thuê bao 0825.298.458; bàn phím bấm, vỏ màu đen, trên điện thoại có ghi nhãn hiệu NOKIA, số serial: 352.877.106.362.838, thu giữ của Sùng A D, được niêm phong trong một chiếc phong bì công văn của Công an huyện Q.

2.3. Trả lại cho bị cáo Giàng A L:

01 (Một) chiếc điện thoại di động đã qua sử dụng, có gắn sim số thuê bao 0826.844.740, số IMEI1: 861.177.059.424.972, số IMEI2: 861.177.059.424.964, màn hình cảm ứng, vỏ màu xanh, trên điện thoại có ghi nhãn hiệu VIVO, thu giữ của bị cáo Giàng A L, được niêm phong trong một chiếc phong bì công văn của Công an huyện Q.

2.4. Trả lại cho bà C1 Thị Cu:

01 (Một) chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE RSX FI, màu sơn đen, biển kiểm soát 21G1-218.48, số máy: JA52E0572212, số khung: RLHJA3839PY210982, xe không có chìa khóa, đã qua sử dụng.

(Hiện trạng, đặc điểm vật chứng, tài sản theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản lập hồi 15 giờ 50 phút ngày 25 tháng 11 năm 2024 giữa Cơ quan điều tra Công an tỉnh S và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La).

4. Về án phí:

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Giàng A L và Sùng A D.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Các bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 19/12/2024).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- PC04-Công an tỉnh Sơn La;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La;
- Cục THADS tỉnh Sơn La;
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
- Bị cáo;
- Luật sư;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Phòng KTNV- THA;
- Lưu HS-AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Tòng Thị Hiền